



**Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư
BIDV-Vietnam Partners**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thông tin về Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	01/GP-QLĐT	ngày 6 tháng 1 năm 2006
	74/UBCK-GP	ngày 9 tháng 8 năm 2010
	15/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 10 năm 2016
	20/GPĐC-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2018
	93/GPĐC-UBCK	ngày 06 tháng 11 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2006.

Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Bảo Hùng	Chủ tịch
	Ông Bradley C. LaLonde	Thành viên (đến ngày 2 tháng 4 năm 2018)
	Bà Nguyễn Thị Phương Vân	Thành viên (đến ngày 21 tháng 8 năm 2018)
	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên (từ ngày 21 tháng 8 năm 2018)
	Ông Phùng Viết Bình	Thành viên

Ban Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thái Hiệp	Giám đốc tài chính

Trụ sở đăng ký	Tầng 18, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV – Vietnam Partners (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Đại diện Ban Giám đốc,

Đã Nguyễn Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00061-FS-19-1



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		48.644.121	44.219.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.848.399	30.548.642
1. Tiền	111		1.448.399	1.548.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.400.000	29.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	18.327.950	13.212.950
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.327.950	13.212.950
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373.940	358.766
5. Các khoản phải thu khác	135	6	373.940	358.766
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.832	98.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	-	5.417
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	93.832	93.555
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		-	10.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
Nguyên giá	222		1.254.165	1.254.165
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.254.165)	(1.254.165)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	10.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	10.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		48.644.121	44.229.330

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.032.934	760.689
I. Nợ ngắn hạn	310		1.032.934	760.689
2. Phải trả người bán	312	8	95.370	122.305
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	649.098	337.024
5. Phải trả người lao động	315		146.224	204.276
6. Chi phí phải trả	316	10	142.242	97.084
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		47.611.187	43.468.641
I. Vốn chủ sở hữu	410		47.611.187	43.468.641
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	25.000.000	25.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.629.746	1.422.619
9. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		1.629.746	1.422.619
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.351.695	15.623.403
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		48.644.121	44.229.330

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2018 (Nguyên tệ)	31/12/2017 (Nguyên tệ)
Ngoại tệ các loại	005		
USD		234.994	235.210
EUR		1.270	1.270
JPY		11.000	11.000
SGD		6	6
HKD		2.270	2.270

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Bà Trần Thu Hằng
Kế toán

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B02 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND'000	2017 VND'000
1. Doanh thu	01	12	6.594.272	1.556.081
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01)	10		6.594.272	1.556.081
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	13	2.076.543	5.454.002
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		4.517.729	(3.897.921)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	1.936.847	2.026.104
7. Chi phí tài chính	22		984	13.421
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	1.722.906	2.112.181
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		4.730.686	(3.997.419)
10. Thu nhập khác	31		10.000	1.689.866
12. Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		10.000	1.689.866
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.740.686	(2.307.553)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	598.140	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.142.546	(2.307.553)

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Bà Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thị Minh Quy
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND'000	2017 VND'000
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.594.272	1.820.245
2. Tiền chi cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(295.531)	(374.220)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.657.278)	(4.719.109)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(909.836)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	74.413	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.222.651)	(5.076.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.493.225	(9.259.334)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
3. Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(5.000.000)	-
4. Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	-	10.500.000
7. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.806.532	2.271.480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.193.468)	12.771.480
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(3.600.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND'000	2017 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	(700.243)	(87.854)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	30.548.642	30.636.496
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60$) (Thuyết minh 4)	70	29.848.399	30.548.642

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Bà Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B05 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	25.000.000	1.422.619	1.422.619	15.623.403	43.468.641
Lãi thuần trong năm	-	-	-	4.142.546	4.142.546
Phân bổ vào các quỹ	-	207.127	207.127	(414.254)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	25.000.000	1.629.746	1.629.746	19.351.695	47.611.187
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	25.000.000	1.422.619	1.422.619	21.530.956	49.376.194
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(2.307.553)	(2.307.553)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.600.000)	(3.600.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.000.000	1.422.619	1.422.619	15.623.403	43.468.641

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Bà Trần Thu Hằng
Kế toán



Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners (“Công ty”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam. Các bên liên doanh ban đầu của Công ty gồm có Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (được thành lập tại Việt Nam) và Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Việt Nam Partners (được thành lập tại British Virgin Islands) (“VP”) với tỷ lệ góp vốn là 50% của mỗi bên. Trong tháng 12 năm 2017, các bên liên doanh đã hoàn tất chuyển nhượng 75% phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu. Trong tháng 3 năm 2018, VP đã hoàn thành việc chuyển nhượng 25% vốn góp cho một nhà đầu tư cá nhân. Trong tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu đã hoàn tất chuyển nhượng 75% phần vốn góp cho hai nhà đầu tư cá nhân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các nhà đầu tư cá nhân là Ông Đào Trọng Khanh, Ông Hồ Bảo Hùng và Ông Tô Duy sở hữu vốn góp theo tỷ lệ tương ứng là 45%, 30% và 25%.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư tại Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam; nhận các quỹ ủy thác đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư; và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp trong lĩnh vực tái cơ cấu tài chính, sáp nhập và mua lại, hợp nhất và phân tách các công ty.

(c) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 11 nhân viên (31/12/2017: 11 nhân viên), trong đó Tổng Giám đốc và 5 nhân viên sau đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ:

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	001126	10/7/2014
Bà Hồ Khánh Linh	001013	14/10/2013
Bà Vũ Thị Thùy Dương	001133	29/8/2014
Ông Chu Tuấn Linh	001457	19/08/2016
Ông Nguyễn Hồng Quân	001485	17/11/2016
Ông Chu Hoàng Nam	001587	25/07/2017

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài sản khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục giải thể Quỹ đầu tư Việt Nam và không thực hiện quản lý quỹ đầu tư nào. Trên cơ sở lợi nhuận chưa phân phối đạt tới 19.351.695 nghìn Đồng Việt Nam sau thời gian 12 năm hoạt động và số dư tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với tổng giá trị 48.176.349 nghìn Đồng Việt Nam, Ban Giám đốc đề ra kế hoạch tập trung huy động vốn từ các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài trong năm 2019, đồng thời tiếp tục cập nhật các cơ hội đầu tư trên thị trường và sẵn sàng cho việc huy động quỹ. Ban Giám đốc Công ty dự kiến rằng Công ty TNHH Xuân Cầu, có thể hoàn tất việc ủy thác tài sản tại Công ty nhằm tạo ra nguồn doanh thu mới trong năm 2019 cho Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty có đầy đủ nguồn tiền mặt nhằm đảm bảo cho Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng hình thức sổ nhật ký chung.



Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 năm

(f) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(g) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(h) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(i) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của chủ sở hữu Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Phí quản lý quỹ và phí tư vấn

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và phí tư vấn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ/tư vấn đầu tư. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành tổng chi phí thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Tiền mặt	157.516	163.439
Tiền gửi ngân hàng	1.290.883	1.385.203
Các khoản tương đương tiền	28.400.000	29.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	29.848.399	30.548.642

Các khoản tương đương tiền tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2018 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại một ngân hàng thương mại cổ phần và hưởng lãi suất năm từ 4,6% đến 5,0% (31/12/2017: 4,8%).

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đô la Mỹ hưởng lãi suất năm là 0% (31/12/2017: 0%) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 6,5% (31/12/2017: từ 5,3% đến 5,5%).

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Phải thu lãi tiền gửi	359.390	346.794
Tạm ứng cho nhân viên	14.550	11.972
	373.940	358.766

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	93.832	-
Trả trước chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp	-	93.555
	93.832	93.555

8. Phải trả người bán

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Phải trả dịch vụ mua ngoài	95.370	112.200
Phải trả tiền thuê văn phòng, phí đỗ xe	-	10.105
	95.370	122.305

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.723	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.706	322.051
Thuế nhà thầu	16.669	14.973
	649.098	337.024

Biến động thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

Năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2018

	1/1/2018 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2018 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	-	1.000	(1.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.417)	598.140	-	592.723
Thuế thu nhập cá nhân	322.051	115.097	(397.442)	39.706
Thuế nhà thầu	14.973	62.262	(60.566)	16.669
	331.607	776.499	(459.008)	649.098

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	1/1/2017 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2017 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	15.979	20.891	(36.870)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	904.419	-	(909.836)	(5.417)
Thuế thu nhập cá nhân	479.035	622.954	(779.938)	322.051
Thuế nhà thầu	40.365	82.110	(107.502)	14.973
	1.439.798	725.955	(1.834.146)	331.607

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

10. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Thủ lao Hội đồng quản trị	-	97.084
Phí dịch vụ Bloomberg	142.242	-
	<u>142.242</u>	<u>97.084</u>

11. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2018		31/12/2017	
	VND'000	Tỷ lệ sở hữu	VND'000	Tỷ lệ sở hữu
Đào Trọng Khanh	11.250.000	45%	-	-
Hồ Bảo Hùng	7.500.000	30%	-	-
Tô Duy	6.250.000	25%	-	-
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Việt Nam Partners	-	-	6.250.000	25%
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xuân Cầu	-	-	18.750.000	75%
	<u>25.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100%</u>

Trong tháng 3 năm 2018, VP đã hoàn thành việc chuyển nhượng 25% phần vốn góp cho một nhà đầu tư cá nhân. Trong tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu đã hoàn tất chuyển nhượng 75% phần vốn góp cho hai nhà đầu tư cá nhân.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

12. Doanh thu

	2018 VND'000	2017 VND'000
Phí quản lý quỹ	6.579.272	1.207.587
- <i>Phí quản lý Quỹ cho năm hiện hành (i)</i>	3.563.144	1.207.587
- <i>Điều chỉnh phí quản lý Quỹ cho năm trước (ii)</i>	3.016.128	-
Doanh thu phí tư vấn	-	205.994
Doanh thu khác	15.000	142.500
	6.594.272	1.556.081

- (i) Theo Thỏa thuận quản lý Quỹ với Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Quỹ”), trong năm 2018, Công ty được nhận phí quản lý hàng quý theo tỷ lệ là một phần tư của 1% của giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá sau cùng của quý trước đó, trong đó giá trị đầu tư chứng khoán dùng để tính giá trị tài sản ròng này được điều chỉnh theo giá bán thành công thực tế của khoản đầu tư lớn nhất trong danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (2017: một phần tư của 0,25% của giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá sau cùng của quý trước đó).
- (ii) Trong năm 2018, Quỹ Đầu tư Việt Nam đã bán thành công khoản đầu tư lớn nhất trong danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, theo Thỏa thuận quản lý Quỹ, phí quản lý Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh tăng theo giá trị chênh lệch giữa:
- Một phần tư của 1% của giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá sau cùng của quý trước đó, trong đó giá trị đầu tư chứng khoán dùng để tính giá trị tài sản ròng này được điều chỉnh theo giá bán thành công thực tế của khoản đầu tư lớn nhất trong danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016; và
 - Phí quản lý Quỹ đã ghi nhận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

13. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2018 VND'000	2017 VND'000
Chi phí lương, phụ cấp	1.687.457	5.079.782
Các chi phí khác	389.086	374.220
	2.076.543	5.454.002

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND'000	2017 VND'000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	1.819.128	2.021.897
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.719	4.207
	1.936.847	2.026.104

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND'000	2017 VND'000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.254.362	1.441.360
Chi phí thuê văn phòng	185.063	102.168
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	7.537
Chi phí lương, phụ cấp	179.984	485.758
Chi phí khác	103.497	75.358
	1.722.906	2.112.181

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND'000	2017 VND'000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	598.140	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	598.140	-

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND'000	2017 VND'000
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	4.740.686	(2.307.553)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty (20%)	948.137	(461.511)
Chi phí không được khấu trừ thuế	35.997	97.152
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(23.390)	364.359
Lỗ tính thuế được sử dụng	(362.604)	-
	598.140	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế (2017: 20%).

17. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND'000	2017 VND'000
Quỹ Đầu tư Việt Nam		
Phí quản lý	6.579.272	1.207.587
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và thù lao	843.629	1.781.053

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

18. Hoạt động quản lý quỹ

	2018	2017
Số quỹ do Công ty quản lý	1	1
Phí thu được trong năm (VND'000)	6.579.272	1.207.587
- Phí quản lý quỹ (VND'000)	6.579.272	1.207.587
	31/12/2018	31/12/2017
	VND'000	VND'000
Số vốn của các quỹ do Công ty quản lý		
- Quỹ Đầu tư Việt Nam	43.295.425	192.948.947

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục giải thể Quỹ đầu tư Việt Nam. Quỹ này được thành lập theo giấy phép số 03/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 13 tháng 3 năm 2006. Tại ngày 24 tháng 12 năm 2018, Quỹ đã thực hiện lần phân phối cuối cùng cho các nhà đầu tư trong nước và đang trong quá trình chuẩn bị phân phối cho các nhà đầu tư nước ngoài còn lại để hoàn tất thủ tục đóng Quỹ. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn tìm kiếm các khách hàng mới.

19. Quản trị rủi ro tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm thực hiện và giám sát khung quản lý rủi ro đồng thời báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.690.883	30.385.203
Đầu tư ngắn hạn	18.327.950	13.212.950
Các khoản phải thu khác	359.390	346.794
	48.378.223	43.944.947

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản phải thu khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn tại một tổ chức tín dụng danh tiếng trong nước và phải thu lãi tiền gửi liên quan. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và lãi phải thu này và không cho rằng tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	95.370	95.370	95.370
Chi phí phải trả	142.242	142.242	142.242
	237.612	237.612	237.612
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả người bán	122.305	122.305	122.305
Chi phí phải trả	97.084	97.084	97.084
	219.389	219.389	219.389

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch gửi tiền ngắn hạn, thanh toán chi phí và nhận nợ phải trả bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Công ty có khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2018 Nguyên tệ USD (VND'000 tương đương)	31/12/2017 Nguyên tệ USD (VND'000 tương đương)
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.686	118.082
Đầu tư ngắn hạn	5.327.950	5.212.950
	5.443.636	5.331.032
Tài sản tiền tệ thuần		

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2018	31/12/2017
	VND	VND
USD/VND	23.165	22.665

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần VND'000
31/12/2018	
USD (mạnh thêm 1%) – tăng lợi nhuận	43.549
31/12/2017	
USD (mạnh thêm 1%) – tăng lợi nhuận	42.648

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	31/12/2017
	VND'000	VND'000
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.290.883	1.385.203
Các khoản tương đương tiền	28.400.000	29.000.000
Đầu tư ngắn hạn	18.327.950	13.212.950

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Đầu tư ngắn hạn	18.327.950	18.327.950	13.212.950	13.212.950
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	29.848.399	29.848.399	30.548.642	30.548.642
▪ Các khoản phải thu khác	359.390	359.390	346.794	346.794
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	95.370	95.370	122.305	122.305
▪ Chi phí phải trả	142.242	142.242	97.084	97.084

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Bà Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

